TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2024/DS- ST
Ngày: 02/8/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lộc Thị Kim Thơm

2. Bà Đặng Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Lương Nguyễn Thảo Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2023/TLST- DS, ngày 19 tháng 12 năm 2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST- DS, ngày 29/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số /2024/QĐST- DS ngày 08/7/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lã Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Cây Xy, xã C, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 11, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người làm chứng: bà Đàm Hồng P, sinh năm 1989

Địa chỉ: tổ 7, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

(Bà T, bà P có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; bà B vắng mặt lần 3 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lã Thi T trình bày:

Do là bạn bè quen biết nhau nên ngày 23/6/2022, bà Lê Thị B hỏi vay tiền và bà đã đồng ý cho bà Lê Thị B vay số tiền là 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*. Địa điểm giao dịch thực hiện hợp đồng vay tiền là tại xã T, huyện Y vì khi đó bà chưa ly hôn vẫn sống cùng chồng tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Khi cho

vay tiền, bà có yêu cầu bà Lê Thị B trực tiếp viết, ký giấy vay tiền để làm căn cứ. Việc vay tiền còn có bà Đàm Hồng P, địa chỉ: tổ 7, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang là chị em chơi cùng với bà và bà B trực tiếp chứng kiến. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 03 tháng, lãi suất tự thỏa thuận nhưng không ghi vào giấy vay nợ. Khi đến hạn trả nợ bà B không trả cho bà khoản tiền nào, kể cả tiền gốc và tiền lãi theo như thỏa thuận, bà đã đòi nhiều lần nhưng bà B chỉ khất nợ mà không trả. Hiện nay bà B thường xuyên tìm cách trốn tránh không trả nợ cho bà bà. Vì vậy bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B trả cho bà số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng. Về lãi suất bà không yêu cầu tính lãi đối với bà B.

Người chứng kiến bà Đàm Hồng P trình bày: Về quan hệ, bà và Bà T, bà B là bạn bè không có quan hệ anh em họ hàng, không có mâu thuẫn gì với nhau. Về việc bà B vay tiền của Bà T, bà khẳng định bà được chứng kiến bà B vay của Bà T số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*, bà B là người viết giấy, ký tên vào giấy vay tiền, bà B trực tiếp lấy tiền mặt từ Bà T. Về lãi suất như thế nào, bà B đã trả cho Bà T hay chưa thì bà không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đầy đủ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà B không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tại các buổi mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Bà T và Tòa án đã trực tiếp liên hệ với bà B nhiều lần bằng số điện thoại do Bà T cung cấp, bà B có nghe điện thoại và trao đổi xác nhận khoản nợ nhưng đề nghị được trả dần. Tòa án đã yêu cầu bà B có mặt tại Tòa án hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến nhưng bà B không thực hiện. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: do bị đơn cố tình giấu địa chỉ, không có văn bản trình bày ý kiến, do đó căn cứ vào chứng cứ là giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp, lời khai của người làm chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 463, 466, 468, Bộ luật dân sự 2015, xử buộc bà Lê Thị B trả cho bà Lã Thị T số tiền nợ là 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng)*. Bà Lê Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo, đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Ngày 23/6/2022 bà B vay tiền Bà T, chứng cứ là giấy vay tiền, thời hạn vay là 03 tháng. Quá thời hạn trả nợ, bà B không trả cho Bà T theo thỏa thuận, do đó Bà T được quyền khởi kiện. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự, do đó tranh chấp còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà T khởi kiện yêu cầu bà B trả nợ số tiền đã vay theo giấy vay tiền do bà B lập. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp về hợp đồng dân sự (hợp đồng vay tài sản)* theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố T nhưng địa điểm thực hiện hợp đồng vay tiền thuộc huyện Y. Nguyên đơn Lã Thị T lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Y. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà T, bà P có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bà B vắng mặt 03 lần không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận định: nguyên đơn nộp chứng cứ là giấy vay tiền ngày 23/6/2022 trong đó có nội dung: *"Tên tôi là Lê Thị B, sinh ngày 19/7/1987, số CMND 008187008300 ngày cấp 24/6/2021 nơi cấp Tuyên Quang tôi hôm nay ngày 23/6/2023 tôi có vay tiền của bà Lã Thị T số tiền là 20.000.000đ. Thời gian vay từ ngày 23/6/2022 đến 23/9/2022 tôi sẽ trả đủ số tiền trên"*. Mục người cho vay tiền ghi Yên Sơn ngày 23/6/2022 và ký tên *"Tuyết – Lã Thị T";* Mục người vay ký tên *"Bích – Lê Thị B".* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, gửi các giấy triệu tập làm việc hợp lệ cho bà B nhưng bà B đều không đến Tòa làm việc. Bà B không có văn bản trình bày ý kiến phản bác hoặc chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau đó Tòa án đã xác minh tại địa phương xác định tại tổ 11, phường A, thành phố T có bà Bà Lê Thị B nhưng đã đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà, không thông báo gia đình và chính quyền địa phương về việc đi đâu, làm gì; không thông báo thay đổi địa chỉ cho nguyên đơn cũng như cho chính quyền địa phương biết. Do đó trường hợp này xác định bà B đã cố tình giấu địa chỉ.

Bà Lê Thị B cố tình giấu địa chỉ, không có ý kiến bằng văn bản cho Tòa án là do bà B không thực hiện quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa án. HĐXX xét thấy giấy vay tiền ngày 23/6/2022 là bản chính có chữ ký "B

– Lê Thị B", nguyên đơn đã giao nộp bản gốc giấy vay tiền và cam kết chịu trách nhiệm đối với chứng cứ do mình giao nộp, việc giao nộp chứng cứ của nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Giấy vay tiền ngày 23/6/2022 là tài liệu đọc được nội dung và là bản chính nên được xác định là chứng cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 95 BLTTDS. Bị đơn không có ý kiến phản đối đối với tài liệu là giấy vay tiền do nguyên đơn giao nộp nên được xác định là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS. Trường hợp bị đơn phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó, điều này phù hợp với điều 6 phần những nguyên tắc cơ bản của BLTTDS quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự. Mặt khác, việc vay mượn tiền giữa hai bên còn có người làm chứng là bà Đàm Hồng P, tại lời khai ngày 27/3/2024 bà P đã cam kết và khẳng định bà B vay của Bà T số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* có làm giấy vay tiền như Bà T đã nộp là đúng.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy có căn cứ buộc bà Lê Thị B phải trả nợ cho bà Lã Thị T số tiền vay nợ gốc là 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng).* Bà T không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của Bà T được chấp nhận nên Bà T không phải bàu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Toà án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* của bà Lã Thị T đối với bà Lê Thị B.

Buộc bà Lê Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Lã Thị T số tiền vay nợ là 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng).* Thời hạn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Lê Thị B phải chịu 1.000.000đ *(một triệu đồng)* tiền án phí. Bà Lã Thị T không phải chịu án phí, trả lại Bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000856313 ngày 19/12/2023 của Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001053 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lưu Thị Sự không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đặng Thị Huệ - Lộc Thị Kim Thơm	**Nguyễn Văn Toàn**